TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 121/2026/HNGĐ-ST Ngày: 11-9-2026 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đàm Thị Vững
2. Ông Đoàn Khánh Vận

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2026/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cầm Ngọc H, sinh năm 1993. Số CCCD: 015093010492.
Địa chỉ: Thôn N, xã M, tỉnh Lào Cai (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Hồ Thị N, sinh năm 2000. Số CCCD: 046300004679
Địa chỉ: Thôn N, xã M, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn anh Cầm Ngọc H trình bầy: Tôi và chị Hồ Thị N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 01/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 8/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị Hồ Thị N.

Về con chung: Có 01 cháu Cầm Hồ Đ, sinh ngày 18/3/2021. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng tôi, khi ly hôn tôi nhận nuôi cháu Đ và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm thuê thu nhập một tháng

8.000.000 đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị N không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của chị N tại thôn N, xã M, tỉnh Lào Cai. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho chị N. Bà Hoàng Thị C là trưởng thôn Ngòi A1 đã trực tiếp nhận thay chị N, bà C đã giao và thông báo cho chị N. Chị N biết việc Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai báo gọi đến để giải quyết việc anh H xin ly hôn chị. Nhưng chị N không có mặt theo các văn bản của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cầm Ngọc H được ly hôn chị Hồ Thị N.

Về con chung: Giao cháu Cầm Hồ Đ, sinh ngày 18/3/2021 cho anh C1 Ngọc Hoàng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Hồ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về án phí: Anh Cầm Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cầm Ngọc H và chị Hồ Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 01 tháng 6 năm 2020 là hôn nhân hợp pháp. Anh H cho

rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên. Anh H và chị N đã sống ly thân nhau tháng 8/2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh H xin ly hôn chị N là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, anh H và chị N hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho anh H được ly hôn chị N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Cầm Hồ Đ, sinh ngày 18/3/2021. Khi ly hôn anh Hoàng N1 nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng anh H. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Đ được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Do vậy cần giao cháu Đ cho anh H nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của anh H về nuôi con chung không trái quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác nhận không có.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Cầm Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh C1 Ngọc H được ly hôn chị Hồ Thị N.

2. Về con chung: Có 01 cháu Cầm Hồ Đ, sinh ngày 18/3/2021.

Xử giao cháu C1 Hồ Đại cho anh C1 Ngọc H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Hồ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Cầm Ngọc H phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số: 0000217 ngày 14 tháng 7 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận anh Cầm Ngọc H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Cầm Ngọc H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hồ Thị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Lào Cai
- Các đương sự (2)
- UBND xã A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Lưu HS -TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng